

Bản án số: **25/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 21-5-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Hoàng Khương

2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Thu T, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp Phước T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang; có mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp K, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2020, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa chị Thạch Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Chị T và anh L chung sống hạnh phúc được 10 năm thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng chị thường xuyên cự cãi không thể chung sống được nên chị T

và anh L sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị T và anh L có 01 người con chung tên Nguyễn Thạch Trung K, giới tính nam, sinh ngày 14/01/2009, hiện cháu K đang sống cùng chị T. Chị T yêu cầu nuôi con chung, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định, vợ chồng chị T và anh Luận không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng anh không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị T được ly hôn với anh L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thạch Trung K, giới tính nam, sinh ngày 14/01/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh L không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị T xin ly hôn với anh L và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh L kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang

và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh L đã có thời gian dài chung sống đầm ấm hạnh phúc, nhưng từ năm 2017 cho đến nay giữa chị T và anh L mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không thể hàn gắn được nên chị T và anh L đã sống ly thân nhiều năm nay, sống ly thân mỗi người sống mỗi nơi, không ai tới lui thăm nhau. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh L. Đối với anh L, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhằm mục đích hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng anh L đều vắng mặt không lý do, điều này đã thể hiện anh L cố tình lẩn tránh, không có thiện chí muốn đoàn tụ gia đình với chị T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị T được ly hôn với anh L.

[4] *Về con chung*: Chị T và anh L có 01 người con chung tên Nguyễn Thạch Trung K, giới tính nam, sinh ngày 14/01/2009, hiện đang sống cùng chị T. Chị T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh L mặc dù anh không có bản khai để trình bày nguyện vọng của mình về việc giải quyết con chung nhưng con chung hiện nay do chị T đang nuôi dưỡng, cuộc sống của con được đảm bảo, nguyện vọng của cháu K được chung sống với chị T. Vì vậy, việc giao cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, áp dụng Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Thạch Trung K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con, anh L có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T xác định vợ chồng chị T và anh L không có tài sản chung và không nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T là nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003900 ngày 18/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thạch Trung K, giới tính nam, sinh ngày 14/01/2009 cho chị Thạch Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng (cháu K hiện đang sống với chị T), anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Thạch Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0003900 ngày 18/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; chị T đã nộp đủ án phí.

4. Nguyên đơn chị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn Gò Quao (nơi đăng ký kết hôn);
- UBND xã Tân Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng